

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 936/2018/HC-ST

Ngày 19/7/2018

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai trong
trường hợp bồi thường, hỗ trợ và tái
định cư khi nhà nước thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hàn Hòa Thuận

2. Bà Nguyễn Thị T2 M1

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh T2 Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/6; 12 và 19/7/2018 tại trụ sở Tòa án đã tiến hành xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 326/HCST ngày 23/8/2017 về
việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp bồi
thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2609/2018/QĐST-HC ngày
30/5/2018 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 4627/2018/QĐST-HC ngày
19/6/2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Trương Công Đ**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: số B6/156/1 ấp 2, xã Đ, huyện B1, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Võ Kim H1, sinh
năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Số B6/156/1 ấp 2, xã Đ, huyện B1, Thành phố H.

(Giấy ủy quyền ngày 07/8/2017, số công chứng 005100/2017/CCBH của Văn phòng Công chứng Bình Hưng)

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện B1;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1.

Trụ sở: 349 đường T1, thị trấn T1, huyện B1, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973 - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1 (Xin vắng mặt).

(Giấy ủy quyền số 3057/UQ-UBND ngày 23/11/2017)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Quốc T2 – Phó Trưởng ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B1. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Tuyết M1, sinh năm 1974 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: số B6/156/1 ấp 2, xã Đ, huyện B1, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 08/10/2010, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định 2925/QĐ-BGTVT (Quyết định 2925) về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành.

Ngày 17/4/2012 Ủy ban nhân dân Thành phố H (Ủy ban thành phố) có Công văn số 1696/UBND-ĐTMT (Công văn 1696) về việc chấp thuận địa điểm Đầu tư Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành trên địa bàn B1.

Ngày 12/4/2013, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định 968/QĐ-BGTVT (Quyết định 968) về phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành.

Ngày 21/01/2014 Ủy ban nhân dân huyện B1 (Ủy ban B1) có Quyết định số 1889/QĐ-UBND (gọi Quyết định 1889) về thu hồi đất do ông Trương Công Đ sử dụng với tổng diện tích 45.0m² đất thuộc một phần các thửa 120, 121 tờ bản đồ số 13, theo T1 liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa số 3, tờ Bản đồ số 48), theo T1 liệu Bản đồ địa chính thuộc Bộ địa chính xã Đ để giao Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B1 tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị đầu tư thực hiện Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành.

Ngày 22/01/2014 Ủy ban B1 có Quyết định số 2684/QĐ-UBND về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành trên địa bàn huyện B1 số 18/PA-HĐBT ngày 26/3/2012 (gọi Phương án 18).

Ngày 12/5/2014 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B1 ban hành Phiếu chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 608/PCT-BBT (gọi Phiếu chiết tính 608) và ngày 17/8/2014 Ủy ban B1 có Quyết định số 9615/QĐ-UBND (gọi Quyết định 9615) về bồi thường, hỗ trợ cho ông Đ do bị ảnh hưởng giải tỏa toàn bộ nhà, đất trong Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành với tổng số tiền 11.085.000 đồng, bao gồm:

- Bồi thường, hỗ trợ: Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm không mặt tiền: $41,7\text{m}^2 \times 250.000\text{đồng} = 10.425.000\text{đồng}$.

- Bồi thường, hỗ trợ: Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm không mặt tiền: $3,3\text{m}^2 \times 200.000\text{đồng} = 660.000\text{đồng}$.

Ngày 26/12/2016 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B1 ban hành Phiếu chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 2674/PCT-BBT (gọi Phiếu chiết tính 2674) và ngày 30/12/2016 Ủy ban B1 có Quyết định số 13844/QĐ-UBND (gọi Quyết định 13844) về bổ sung bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc và T1 sản khác cho ông Đ với tổng số tiền 55.657.600 đồng, bao gồm:

- Hiên: cột cây, mái tole, nền gạch tàu: $8,55\text{m}^2 \times 1.300.000\text{đồng} = 11.115.000\text{đồng}$;
- Nhà: vách lá, mái tole, cột cây, nền đất: $36,45\text{m}^2 \times 1.188.000\text{đồng} = 43.302.600\text{đồng}$;
- Đồng hồ điện: 900.000 đồng;
- Điện thoại: 250.000 đồng.

Không đồng ý, ông Đ khiếu nại với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1 (gọi Chủ tịch Ủy ban B1) theo đơn đề ngày 21/03/2017 đối với Quyết định 13844 về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ $45,0\text{m}^2$ bị thu hồi theo loại đất ở với đơn giá 2.944.000 đồng/ m^2 .

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 10844/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 (gọi Quyết định 10844), Chủ tịch Ủy ban B1 đã giữ nguyên và công nhận nội dung Quyết định 10844, bác toàn bộ nội dung khiếu nại của Đ.

** Tại đơn khởi kiện ngày 07/8/2017 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/01/2018 người khởi kiện ông Trương Công Đ có bà Võ Kim H1 đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Đ yêu cầu hủy một phần Quyết định 9615 và Quyết định 13844 của Ủy ban B1; hủy Quyết định 10844 của Chủ tịch Ủy ban B1.

Với lý do: Khu đất bị thu hồi trên, là do ông chuyển nhượng của bà Đoàn Thị Út theo Đơn sang nhượng đất ngày 21/02/2004, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00352 QSDĐ/ĐP ngày 10/12/2001 của Ủy ban B1. Theo Giấy chứng nhận, đất của ông là loại đất thổ vườn và thực tế ông đã cất nhà, sử dụng ổn định lâu dài từ năm 2004 cho đến ngày bị thu hồi, không tranh chấp. Theo thông báo nộp thuế của cơ quan thuế là loại đất nông thôn nằm trong khu vực các đường đá đỏ, đá xanh, xi măng còn lại trong huyện, bề mặt đường dưới 2m, trên cùng thửa đất với hộ bà Đoàn Thị Út, đất nằm trong thửa này bà Út được tính bồi thường, hỗ trợ 2.944.000 đồng/m², còn ông thì bị tính bồi thường, hỗ trợ thấp hơn. Việc Nhà nước bồi thường như vậy đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

** Tại Văn bản số 3244/UBND ngày 13/12/2017, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1 có ông Nguyễn Văn T1 đại diện theo ủy quyền có ý kiến như sau:*

Theo các T1 liệu chứng cứ: Phiếu kê khai nhà, đất và T1 sản bị ảnh hưởng trong Dự án đường cao tốc Bến Lức - Long Thành, đoạn đi qua địa bàn huyện B1 của ông Trương Công Đ ngày 23/10/2012 đã được Ủy Ban nhân dân xã Đ xác nhận ngày 07/8/2013; Biên bản đo đạc và kiểm kê T1 sản ngày 23/10/2012 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B1; Bản đồ hiện trạng vị trí số 01/HĐĐĐ/BBT-ĐP123 do Công ty TNHH đo đạc thiết kế xây dựng An Lạc lập ngày 17/4/2013, được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận ngày 07/8/2013; Bản vẽ điều tra hiện trạng nhà do Công ty TNHH đo đạc thiết kế xây dựng An Lạc lập ngày 21 tháng 3 năm 2013 và Quyết định số 52/QĐ-XPHC ngày 14/4/2005 của Ủy ban nhân dân xã Đ thì các T1 sản, công trình vật kiến trúc trên đất, gồm: “...nhà mái tole, cột gỗ, nền gạch tàu, vách tole” do ông Đ tự xây dựng vào thời điểm tháng 03/2004 và có bị xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý xây dựng, quản lý nhà và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.

Chủ tịch Ủy ban B1 và Ủy ban B1 căn cứ vào Phương án 18 và các quyết định; văn bản hướng dẫn có liên quan ban hành các quyết định trên. Yêu cầu của ông Đ không có cơ sở đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại phiên tòa:

- Người khởi kiện ông Đ có bà H1 đại diện trình bày:

Ông Đ đồng ý việc Nhà nước thu hồi đất của ông để thực hiện dự án nên đã chấp hành việc giao đất và nhận các khoản bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên, ông Đ không đồng ý đơn giá đất mà Ủy ban B1 đã tính theo các quyết định bị kiện. Do đó, ông Đ yêu cầu hủy một phần Quyết định 9615 và 10844, cụ thể: Tổng diện tích đất bị thu hồi 45 m², trong đó thuộc thửa 120 là 41,7m², thửa 121 là 3,3m². Thửa 120: 41,7m² ông Đ yêu cầu Ủy ban B1 phải tính lại theo đơn giá đất ở là 2.944.000 đồng/m². Đối với phần diện tích 3,3m² đất thửa 121; nhà; vật kiến trúc và các T1 sản khác ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Quyết định 13844, ông Đ rút yêu cầu khởi kiện.

- Người bị kiện Ủy ban B1 và Chủ tịch Ủy ban B1 có ông Nguyễn Văn T1 đại diện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Tuyết M1 vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phát biểu:

Ủy ban B1 và Chủ tịch Ủy ban B1 ban hành các Quyết định 9615 và 10844 có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Đối với Quyết định 13844 ông Đ rút yêu cầu, về phía người bị kiện không có ý kiến. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu:

* Về tố tụng: Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của thủ tục tố tụng.

* Về nội dung: Căn cứ vào các T1 liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Quyết định 9615 và 10844 Ủy ban B1 và Chủ tịch Ủy ban B1 ban hành không đúng quy định pháp luật, yêu cầu của ông Đ có cơ sở.

Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, hủy một phần Quyết định 9615 và một phần Quyết định 10488.

- Đình chỉ yêu cầu hủy Quyết định 13844 của ông Đ.

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi nghị án,

XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại Văn bản số 3070/UBND ngày 27/11/2017; Văn bản số 722/UBND ngày 05/4/2018 và Đơn yêu cầu vắng mặt ngày 28/5/2018, ông Nguyễn Văn T1 là đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban B1, Chủ tịch Ủy ban B1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Tuyết M1 có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quyết định 9615 được ban hành ngày 17/7/2014 và đến ngày 30/12/2016 Ủy ban B1 ban hành tiếp Quyết định 13844, Quyết định 13844 là một bộ phận của Quyết định 9615. Ngày 21/03/2017 ông Trương Công Đ có đơn khiếu nại với Chủ tịch Ủy ban B1 về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần đất bị thu hồi theo loại đất ở với đơn giá 2.944.000 đồng/m². Ngày 24/8/2017 Chủ tịch Ủy ban B1 ban hành Quyết định 10844, các quyết định này được ban hành là để giải quyết vấn đề bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, để giải quyết khiếu nại liên quan đến bồi thường, hỗ trợ đối với ông Đ. Ngày 07/8/2017 ông Đ có đơn khởi kiện đối với 2 quyết định trên được Tòa án thụ lý ngày 23/8/2017. Trong quá trình Tòa án giải quyết, ngày 09/01/2018 ông Đ có đơn khởi kiện bổ sung đối với Quyết định 10844. Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 31; điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, thì cả 3 quyết định nêu trên là quyết định hành chính bị kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền ban hành các Quyết định:

Quyết định 9615; Quyết định 13844 về bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà, cấu trúc, T1 sản trên đất và các khoản chính sách khác do Ủy ban B1 ban hành; Quyết định 1356 về giải quyết khiếu nại do Chủ tịch Ủy ban B1 ban hành là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 138 Luật đất đai năm 2003 và điểm b Khoản 1 Điều 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

[3] Về nội dung:

[3.1] Quyết định 9615 và Quyết định 10844:

Ông Đ khiếu kiện yêu cầu hủy một phần các Quyết định 9615 và 10844, đồng thời buộc Ủy ban B1 xem xét bồi thường theo đơn giá 2.944.000 đồng/m² đối với 41,7m² đất thuộc một phần thửa 120 vì phần đất của ông cùng thửa đất với bà Đoàn Thị Út, bà Út được tính bồi thường đất ở với đơn giá 2.944.000 đồng/m², còn ông bị tính bồi thường, hỗ trợ thấp theo đất nông nghiệp là không đúng.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10352 QSDĐ/ĐP ngày 10/12/2001 của Ủy ban B1 thì trong tổng diện bà Út được quyền sử dụng có phần đất 399 m² là đất TV (thổ vườn) thuộc thửa 120 tờ bản đồ 13, có thời gian sử dụng ổn định. Theo Đơn sang nhượng đất lập ngày 21/02/2004 bà Út và hai người con đã chuyển nhượng cho ông Đ 45m² đất.

Tại Thông báo về việc tạm cấp số nhà số 4017/TB-UB-TNMT ngày 02/6/2005 của Ủy ban B1; Phiếu kê khai nhà, đất và T1 sản bị ảnh hưởng trong dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành, đoạn đi qua địa bàn huyện B1 ngày 23/10/2010, Ủy ban xã Đ xác nhận ngày 07/8/2013; Bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 17/4/2013, Ủy ban xã Đ xác nhận ngày 07/8/2013 và Phần xác nhận của Ủy ban xã Đ tại Phiếu đề nghị xác nhận kê khai T1 liệu 299/TTg của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng số 1150/BBT ngày 20/02/2017 thì phần đất của ông Đ do bà Út đăng ký kê khai là 500m² loại đất thổ (T) thửa số 691 tờ bản đồ 02 theo T1 liệu 299/TTg, tương ứng thửa 120 - 121 bản đồ 13 theo T1 liệu bản đồ 02/CT-UB, tương ứng thửa 03 tờ bản đồ số 48 theo T1 liệu bản đồ mới năm 2004 (BĐĐC) Bộ Địa chính xã Đ, tổng diện tích đất của ông Đ bị thu hồi là 45m² trong đó: một phần thửa 120 là 41,7m² và một phần thửa 121 là 3,3 m². Phần diện tích đất 41,7m² của ông Đ sử dụng đã được Ủy ban B1 cấp giấy cho bà Út, ông Đ nhận chuyển nhượng từ bà Út trong cùng một thửa 120, ông Đ sử dụng ổn định, không có thời hạn nên được xác định là đất ở theo Khoản 3 Điều 66, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 87 Luật đất đai năm 2003.

Cùng là thửa đất cùng tờ bản đồ, tại hồ sơ bồi thường theo Quyết định số 5056/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 kèm Phiếu chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ số 2270/PCT-BBT ngày 07/01/2016 của Ủy ban B1, bà Út có xây dựng nhà trên phần đất thuộc thửa 120 vào năm 1976 được bồi thường là đất ở, hẻm cấp còn lại, vị trí 4 Quốc lộ 50 theo đơn giá 2.944.000đồng/m² với 343,1m². Thửa đất 120 bà Út sử dụng trước ngày 18/12/1980 thuộc khu dân cư nông thôn, theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của

Chính phủ và Quyết định 64/2001/QĐ-UB ngày 30/7/2001 của Ủy ban thành phố, sẽ được hưởng 05 lần hạn mức giao đất ở $x \ 300 \text{ m}^2 = 1.500\text{m}^2$. Như vậy, hạn mức đất ở của ông Đ tại thửa 120 vẫn còn để tiếp tục được bồi thường theo đơn giá đất ở. Ủy ban B1 áp dụng Khoản 3 Phần XI Chương II Phương án 18 xác định đất của ông Đ là đất nông nghiệp tự chuyển mục đích làm nhà ở, sử dụng sau ngày 22/4/2002 để bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm không mặt tiền đường là không phù hợp với quy định pháp luật, việc ban hành Quyết định 9615 của Ủy ban B1 và Quyết định 10844 của Chủ tịch Ủy ban B1 đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Đ được chấp nhận, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bị kiện không được chấp nhận.

Đối với phần diện tích $3,3\text{m}^2$ thuộc thửa 121, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10352 QSDĐ/ĐP ngày 10/12/2001 của Ủy ban B1 thì trong tổng diện tích đất bà Út được công nhận quyền sử dụng có phần diện tích 117 m^2 thuộc thửa 121 tờ bản đồ số 3 là ao có thời gian sử dụng đến năm 2015. Cùng với nhà; vật kiến trúc và các T1 sản khác trên đất ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Về Quyết định 13844:

Tại phiên tòa đại diện của ông Đ và ông Đ rút yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định 13844, theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 143 và Khoản 2 Điều 165 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ và đình chỉ yêu cầu hủy Quyết định 13844 của ông Đ được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của ông Đ được chấp nhận nên ông Đ không phải chịu và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 31, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Khoản 2 Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Khoản 3 Điều 66, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Khoản 2 Điều 45 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004;

Căn cứ Quyết định 64/2001/QĐ-UB ngày 30/7/2001;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công Đ.

- Hủy một phần các Quyết định số 9615/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 về bồi thường, hỗ trợ về đất của Ủy ban nhân dân huyện B1 và Quyết định số 10844/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1 về giải quyết khiếu nại đối với khoản bồi thường, hỗ trợ 41,7m² đất của ông Trương Công Đ bị thu hồi giải tỏa trong Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành trên địa bàn huyện B1.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện B1 có trách nhiệm bồi thường lại về giá đối với 41,7m² đất cho ông Trương Công Đ theo đúng quy định pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số 13844/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc và T1 sản khác của Ủy ban nhân dân huyện B1

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân B1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân B1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Hoàn lại cho ông Trương Công Đ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0047469 ngày 18/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPH;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPH;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPH;
- Cục Thi hành án dân sự TPH;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Phụng